

**Xy lanh nhỏ gọn**  
**ADNGF-80-10-PPS-A**  
Số bộ phận: 574058

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                       |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 10 mm                                                         |
| Ø pít tông                                            | 80 mm                                                         |
| Dựa trên tiêu chuẩn                                   | ISO 21287                                                     |
| Đệm                                                   | Giảm chấn vị trí cuối bằng khí nén tự điều chỉnh              |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kì                                                        |
| Cấu trúc xây dựng                                     | Pít tông<br>Cần piston<br>Ổng định hình                       |
| Phát hiện vị trí                                      | cho các công tắc gần                                          |
| Bảo vệ chống xoay/dẫn hướng                           | Trục dẫn hướng có vòng kẹp                                    |
| Áp suất vận hành                                      | 0.14 MPA...1 MPA<br>1.4 bar...10 bar                          |
| Nguyên tắc vận hành                                   | tác động kép                                                  |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -20 °C...80 °C                                                |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                  | 8 J                                                           |
| Chiều dài đệm                                         | 7.5 mm                                                        |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 2827 N                                                        |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống | 3016 N                                                        |
| Khối lượng di chuyển                                  | 812 g                                                         |
| trọng lượng sản phẩm                                  | 1571 g                                                        |
| Cổng nối khí nén                                      | G1/8                                                          |
| Ghi chú vật liệu                                      | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vít cố vật liệu                                       | Thép                                                          |
| Vật liệu phủ                                          | Nhôm đúc áp lực, tráng                                        |
| Vật liệu cửa phốt                                     | TPE-U(PUR)                                                    |
| Vật liệu đế cuối van                                  | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                    |
| Vật liệu thanh piston                                 | thép hợp kim                                                  |
| Vật liệu vỏ xy lanh                                   | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa mịn                                |